TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ BỒNG** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐST-HNGĐ	*Trà Bồng, ngày 22 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 08/2018/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị N T D; sinh ngày: 1997

Địa chỉ: Khu dân cư 5, tổ dân phố 4, thị trấn Tr X, huyện Tr B, tỉnh Q Ng.

Bị đơn: Anh Ng T D; sinh năm: 1990

Địa chỉ: Khu dân cư 3, tổ dân phố 1, thị trấn Tr X, huyện Tr B, tỉnh Q Ng.

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57 và Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái với pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07** (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị N T D và anh Ng T D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** chị N T D và anh Ng T D tự nguyện ly hôn.
- **Về con chung:** không có
- **Về tài sản chung:** Chị D nhận giá trị hiện vật là cây xe mô tô HONDA hiệu vison Biển số đăng ký 76P1 – 069.31 tên chủ xe Ng T D trị giá 28.000.000 đ (Hai mươi tám triệu đồng). Anh D nhận 8 chỉ 5 phân vàng 9999 (Trị giá là 28.000.000 đ (Hai mươi tám triệu đồng). Hiện nay anh D là người trực tiếp quản lý số tài sản chung trên.
- **Nợ chung:** Không có

- Án phí dân sự: Mỗi người phải chịu 75.000 đ (bảy mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên, chị D tự nguyện nộp đủ 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Chị D phải nộp 700.000 đ (Bảy trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung khi ly hôn.

Tổng số tiền án phí dân sự chị D phải nộp là 850.000 đ (Tám trăm, năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.328.000 đ (Bằng chữ: Một triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn đồng) chị D đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/ 0002902 ngày 26 tháng 12 năm 2018 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng, chị D được hoàn lại số tiền chênh lệch là 478.000 đ (Bốn trăm, bảy mươi tám nghìn đồng).\.

Anh D phải nộp 700.000 đ (Bảy trăm, nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung khi ly hôn.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Q.Ngãi;*
- *VKSND huyện Trà Bồng;*
- *Chi cục THADS huyện Trà Bồng;*
- *UBND thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Mai Ngọc Phụng